

ĐỀ ÁN

**PHÁT TRIỂN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO TỈNH GIA LAI
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045**
(Kèm theo Nghị quyết số 99/NQ-HĐND)

Phần I

**CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN
THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO TỈNH GIA LAI
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045**

**I. THỰC TRẠNG THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO TỈNH GIA LAI
GIAI ĐOẠN 2023 - 2025**

- Được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đối với sự nghiệp thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai, trong 03 năm triển khai thực hiện Đề án, thể thao thành tích cao tỉnh nhà đã có bước phát triển đáng khích lệ, qua đó kịp thời xác định xu hướng và định hướng phát triển các môn thể thao thể mạnh, mang tính chiến lược, kế thừa của tỉnh.

- Cùng với sự phát triển của phong trào thể thao quần chúng, trong những năm qua, thể thao thành tích cao đã có nhiều tiến bộ. Trình độ của huấn luyện viên (viết tắt HLV) và vận động viên (viết tắt VĐV) ngày càng được nâng cao, đạt được nhiều thành tích cao tại các giải thi đấu trong nước, quốc tế và thường xuyên cung cấp nguồn vận động viên cho các đội tuyển thể thao quốc gia.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện và các hạng mục công trình thể thao phục vụ cho công tác huấn luyện thể thao thành tích cao cơ bản đáp ứng nhu cầu tập luyện để nâng cao thành tích thể thao.

- Công tác phát triển lực lượng huấn luyện viên, vận động viên triển khai thực hiện hiệu quả tại các tuyến với 492 VĐV/15 đội tuyển tập trung ở 03 đơn vị: Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Gia Lai (33 HLV, 325 VĐV/12 đội tuyển), Trung tâm Võ thuật cổ truyền Bình Định (13 HLV, 87 VĐV/03 đội tuyển), Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể thao Pleiku (12 HLV, 90 VĐV/07 đội tuyển). Hệ thống tuyển chọn và đào tạo vận động viên theo hướng phát triển các môn thể thao mũi nhọn, là tiềm năng thể mạnh của tỉnh.

- Về cơ chế chính sách: ngoài các chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao theo quy định chung của Nhà nước, tỉnh cũng đã ban hành các chính sách, chế độ riêng như chế độ dinh dưỡng, tiền công, bảo hiểm y tế, chế độ đãi ngộ, hỗ trợ cho huấn luyện viên, vận động viên phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, tạo điều kiện để thể thao thành tích cao ngày càng phát triển.

1. Kết quả thực hiện Đề án Phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 (ban hành kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Gia Lai)

*** Giai đoạn 2023 - 2025:**

- Số giải khu vực, quốc gia, quốc tế đăng cai tổ chức: 14 giải (trung bình tổ chức 04 - 05 giải/năm).
- Số giải quốc gia tham dự: tham gia thi đấu 147 giải quốc gia đạt được 327 huy chương các loại (tăng 87 huy chương các loại).
- Số huy chương quốc tế: 24 huy chương các loại (tăng 17 huy chương).
- Số vận động viên phong đẳng cấp quốc gia: có 103 lượt vận động viên được phong đẳng cấp quốc gia (Kiện tướng, cấp 1) (tăng 61 lượt vận động viên).
- Số vận động viên tập trung đội tuyển quốc gia: có 15 lượt vận động viên tập trung đội tuyển quốc gia (tăng 04 lượt vận động viên).
- Số lượng huấn luyện viên, vận động viên: có 90 vận động viên (thực hiện 100% chỉ tiêu Đề án), 12 huấn luyện viên (thực hiện 50% chỉ tiêu Đề án).
- Về cơ sở vật chất: 01 Sân vận động Pleiku với sức chứa khoảng 10 nghìn chỗ ngồi, 01 Nhà thi đấu thể thao tỉnh với sức chứa khoảng 2.500 chỗ ngồi; 01 Nhà tập luyện thể thao đa năng, 01 nhà ở, 01 nhà ăn, 01 bể bơi.
- Kinh phí hàng năm giao tăng từ 18,5 - 20,5 tỷ (tăng 7% - 10%/năm).

(Kèm theo phụ lục 01 đến phụ lục 05).

2. Kết quả thực hiện Đề án Phát triển Thể thao thành tích cao tỉnh Bình Định đến năm 2026 và định hướng đến năm 2030 (ban hành kèm theo Quyết định số 2747/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Định)

- Số giải khu vực, quốc gia, quốc tế đăng cai tổ chức: 22 giải (trung bình tổ chức 06 - 08 giải/năm).
- Số giải quốc gia tham dự: tham gia thi đấu 160 giải quốc gia đạt được 612 huy chương các loại (tăng 201 huy chương) và số huy chương quốc tế đạt 38 huy chương các loại (tăng 14 huy chương).
- Số vận động viên phong đẳng cấp quốc gia: có 262 lượt vận động viên được phong đẳng cấp quốc gia (tăng 170 lượt vận động viên).
- Số vận động viên tập trung đội tuyển quốc gia: có 35 lượt vận động viên tập trung đội tuyển và tuyển trẻ quốc gia (tăng 3 lượt vận động viên tham gia đội tuyển quốc gia).
- Số lượng Huấn luyện viên, vận động viên: có 402 vận động viên (thực hiện 100% chỉ tiêu), 35 huấn luyện viên (còn thiếu 11 huấn luyện viên theo chỉ tiêu Đề án) và có 26 vệ tinh.

- Về cơ sở vật chất: 01 Sân vận động Quy Nhơn với sức chứa khoảng 20 nghìn chỗ ngồi, 01 Nhà thi đấu thể thao tỉnh với sức chứa khoảng 1.500 chỗ ngồi; 01 Nhà tập luyện thể thao đa năng, 02 nhà ở, 02 nhà ăn, 01 bể bơi.

- Kinh phí hằng năm tăng từ 15% - 20%/năm.

(Kèm theo phụ lục 06 đến phụ lục 11).

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

1.1 Công tác quản lý

- Phong trào thể dục thể thao vẫn còn mang tính tự phát, phát triển chưa đồng đều giữa các vùng, chỉ tập trung ở khu vực thành thị, khu vực đông dân cư. Đội ngũ cán bộ, hướng dẫn viên thể dục, thể thao cấp xã, phường còn thiếu, cán bộ làm công tác văn hóa - xã hội tại các xã, phường, thị trấn trình độ chuyên môn về thể dục thể thao còn hạn chế, kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ. Công tác giáo dục thể chất trong các trường học còn nhiều bất cập. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của phong trào.

- Một số Liên đoàn, Hội thể thao của tỉnh hoạt động chưa hiệu quả, còn mang tính phong trào, chưa phát huy được vai trò vận động, xã hội hóa nguồn kinh phí tham gia phát triển thể thao thành tích cao, chủ yếu vẫn dựa vào nguồn lực từ Nhà nước.

1.2. Lực lượng huấn luyện viên, vận động viên

- Số lượng huấn luyện viên ở các tuyến còn ít so với số vận động viên hiện có, chất lượng chưa đồng đều, lực lượng chuyên gia giỏi tham gia huấn luyện còn thiếu, chưa có huấn luyện viên chuyên sâu về thể lực và bác sỹ thể thao cho các đội tuyển.

- Vận động viên các tuyến còn mỏng, nhất là lực lượng trẻ kế cận, chưa có sự điều chỉnh kịp thời lực lượng giữa các bộ môn để phù hợp với thực tiễn và khả năng đạt thành tích của các môn mũi nhọn, trọng điểm. Công tác tạo nguồn vận động viên từ cơ sở còn thiếu hụt, hạn chế, chưa phát huy hết thế mạnh của các môn thể thao ở các địa phương như các vệ tinh và các lớp năng khiếu cơ sở.

1.3. Cơ chế chính sách

Một số cơ chế, chính sách phát triển thể thao thành tích cao chưa được đồng bộ từ tuyển chọn, đào tạo, tập luyện, tập huấn đến khen thưởng, đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích xuất sắc tại các giải quốc gia, quốc tế, chưa thực hiện được cơ chế thuê chuyên gia, Huấn luyện viên giỏi, cử các vận động viên tiềm năng đi tập huấn trong và ngoài nước.

1.4. Cơ sở vật chất

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị cho đào tạo, tập luyện thể thao chưa được đầu tư đồng bộ, còn thiếu và xuống cấp, không đạt chuẩn theo quy định. Một số bộ môn chưa có cơ sở tập riêng, sử dụng tạm nên chưa đáp ứng yêu cầu chuyên môn.

- Chưa bố trí được nguồn vốn để triển khai Khu liên hợp thể thao tỉnh; một số xã, phường chưa có Nhà thi đấu thể thao, hồ bơi; sân vận động cấp xã, phường một số địa phương chưa có hoặc có nhưng không sử dụng được vì đã xuống cấp lạc hậu... (Cơ sở vật chất cho thể thao thành tích cao tại địa bàn phía Tây Gia Lai cơ bản đảm bảo công tác huấn luyện và đăng cai tổ chức các giải quốc gia, còn tại địa bàn phía Đông Gia Lai điều kiện cơ sở vật chất chưa đảm bảo để huấn luyện và đủ tiêu chuẩn để đăng cai các giải thể thao quốc gia...).

1.5. Về công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện

Hệ thống tuyển chọn, đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao chưa phù hợp, chưa bảo đảm tính liên tục, liên thông giữa các tuyến như: chưa có quy định về đào tạo năng khiếu cơ sở tại các xã, phường... (Hệ thống đào tạo vận động viên tỉnh Bình Định cũ đang thực hiện 03 tuyến: tuyến tỉnh, tuyến trẻ, năng khiếu; tỉnh Gia Lai cũ thực hiện 02 tuyến: tuyến tỉnh, tuyến trẻ, không có tuyến năng khiếu và các vệ tinh thể thao cơ sở).

1.6. Thành tích tại các giải quốc gia và quốc tế

- Số lượng huy chương tăng lên qua từng năm nhưng chủ yếu ở các giải vô địch trẻ, vô địch cúp và giải mở rộng. Chất lượng vận động viên thể thao thành tích cao chưa ổn định; số vận động viên và huấn luyện viên tham gia đội tuyển quốc gia còn hạn chế.

- Thành tích tại các giải quốc gia của các đội tuyển tuy có tiến bộ nhưng phát triển chưa ổn định và không đồng đều, tập trung chủ yếu ở các môn: Võ cổ truyền, Kickboxing, Boxing, Taekwondo, Điền kinh, Cờ Vua, Cờ Tướng, Wushu, Karate, Bida... Thứ hạng tại các kỳ Đại hội Thể thao toàn quốc và số lượng huy chương vàng đạt được chưa tương xứng với tiềm năng.

2. Nguyên nhân

- Nguồn kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước và từ nguồn xã hội hóa để phát triển thể thao thành tích cao có xu hướng tăng qua từng năm, nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu hoạt động và phát triển cho thể thao thành tích cao, đặc biệt là trong tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt về thành tích thi đấu giữa các đơn vị, địa phương trong cả nước. Công tác xã hội hóa thể dục thể thao đặc biệt là thể thao thành tích cao còn nhiều hạn chế, chưa phát huy hết nguồn lực của các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực thể thao.

- Công tác tạo nguồn vận động viên từ cơ sở còn hạn chế, chưa khai thác được thế mạnh của các môn thể thao ở các địa phương cũng như nguồn nhân lực trong các câu lạc bộ, vệ tinh, trong đối tượng học sinh, sinh viên. Vận động viên các tuyến còn mỏng, nhất là lực lượng trẻ kế cận, chưa có sự điều chỉnh kịp thời lực lượng giữa các bộ môn để phù hợp với thực tiễn và khả năng đạt thành tích của các môn mũi nhọn, trọng điểm. Có sự thiếu hụt về lực lượng vận động viên chất lượng chuyên môn cao. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ở trong và ngoài nước đối với huấn luyện viên, vận động viên chưa chú trọng đúng mức và hiệu quả chưa cao.

- Các công trình thể thao được đầu tư đưa vào sử dụng với thời gian dài, không thường xuyên duy tu bảo dưỡng nên dẫn đến một số hạng mục xuống cấp, chưa đảm bảo công tác tập luyện; nơi ăn ở cho vận động viên, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện chuyên dùng phục vụ công tác, huấn luyện thể thao thành tích cao còn thiếu, lạc hậu, chưa được trang bị kịp thời. Hệ thống thiết chế thể dục thể thao trên địa bàn toàn tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu của phát triển thể thao thành tích cao cũng như nhu cầu tập luyện của người dân.

- Chưa có cơ chế, chính sách để khuyến khích phát triển thể thao thành tích cao như chế độ giải quyết nghề nghiệp cho vận động viên khi hết tham gia tập luyện, thi đấu, chính sách thuê huấn luyện viên có trình độ chuyên môn cao trong nước (đã huấn luyện đào tạo nhiều vận động viên đạt thành tích) để đào tạo, huấn luyện thi đấu các giải thể thao quốc gia, cũng như chưa có điều kiện áp dụng công nghệ tiên tiến hay các phương tiện máy móc hiện đại để tuyển chọn vận động viên mà chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của các huấn luyện viên nên chất lượng đầu vào của vận động viên được tuyển chọn chưa cao.

III. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng đề án

- Phát triển thể dục thể thao là một yêu cầu khách quan, là nội dung quan trọng của chính sách xã hội, là một trong những biện pháp tích cực để giữ gìn và nâng cao sức khỏe, làm phong phú đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân, góp phần mở rộng giao lưu quốc tế, phục vụ tích cực các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh và quốc phòng của đất nước.

- Xây dựng Đề án Thể thao thành tích cao của tỉnh phát triển tương xứng với tiềm năng thế mạnh cũng như tố chất, thể lực và con người Gia Lai, đồng thời phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển về thể dục thể thao đã được xác định tại Kết luận số 70-KL/TW ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh.

- Cùng với sự phát triển của phong trào thể thao quần chúng, trong những năm qua, thể thao thành tích cao đã có nhiều tiến bộ. Trình độ của huấn luyện viên và vận động viên ngày càng được nâng cao, đạt được nhiều thành tích cao tại các giải thi đấu trong nước và quốc tế, cung cấp nguồn vận động viên cho các đội tuyển thể thao quốc gia. Tuy nhiên, nhìn chung thể thao thành tích cao của tỉnh nhà vẫn còn nhiều mặt hạn chế, thành tích đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh và thiếu tính bền vững; hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ đào tạo, huấn luyện các tuyển vận động viên thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu. Nguồn lực dành cho thể thao thành tích cao còn nhiều khó khăn, chưa có chính sách đầu tư đặc biệt cho tài năng thể thao.

- Trong xu thế phát triển thể thao chung hiện nay, các tỉnh, thành, ngành đang tập trung đầu tư các môn thể thao trọng điểm, trong đó ưu tiên những môn trong chương trình Thế Vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á, Đại hội Thể thao toàn quốc và Giải vô địch quốc gia. Trong

đó, các môn thể thao trong chương trình Thế Vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á sẽ được chú trọng đầu tư để phát hiện, tuyển chọn lực lượng cho các đội tuyển quốc gia.

- Đề định hướng phát triển thể thao thành tích cao một cách toàn diện, đáp ứng các yêu cầu trong giai đoạn mới, góp phần thúc đẩy, đưa thể thao thành tích cao tỉnh Gia Lai ngày càng phát triển, đạt vị trí cao trên đấu trường toàn quốc “Đề án phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045” là hết sức cần thiết, tạo tiền đề cho thể thao Gia Lai có bước phát triển mạnh mẽ so với các tỉnh, thành, ngành trên cả nước.

- Đề án mang tính định hướng cho phát triển thể thao thành tích cao với lộ trình hợp lý, hiệu quả, khai thác tối đa mọi nguồn lực xã hội, Đề án còn là cơ sở pháp lý để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, xây dựng cơ chế, chính sách để thu hút, đào tạo tài năng thể thao.

2. Căn cứ pháp lý

- Kết luận số 70-KL/TW ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới;

- Luật Thể dục, Thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thể dục, Thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục Thể thao;

- Quyết định số 991/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Thể dục Thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 1680/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới;

- Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;

- Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định chế độ dinh dưỡng, tiền công huấn luyện, tập luyện thường xuyên và chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Bình Định;

- Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định quy định một số chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Bình Định đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao trong nước và quốc tế.

Phần II

NỘI DUNG ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh: Phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045.

2. Đối tượng áp dụng

- Huấn luyện viên, vận động viên các môn thể thao thành tích cao tỉnh Gia Lai.
- Các cơ quan, ban, ngành, địa phương, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Gia Lai.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm về phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Gia Lai

- Chăm lo, phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển các tài năng thể thao là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành của tỉnh và toàn xã hội, trong đó, ngành văn hóa và thể thao là nòng cốt.

- Thể thao thành tích cao vừa là động lực, vừa là hạt nhân góp phần phát triển thể thao quần chúng và thể thao trường học. Thể thao quần chúng và thể thao trường học là cơ sở, nền tảng để phát triển thể thao thành tích cao. Phát triển thể thao thành tích cao phải đặt trên nền móng vững chắc của thể thao quần chúng và thể thao trường học, từ đó, phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu để tạo nguồn bền vững cho thể thao thành tích cao.

- Xác định đúng đối tượng cần được tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện gắn với các môn thể thao trọng điểm, tạo bước đột phá trong đào tạo tài năng thể thao thành tích cao của tỉnh; đẩy mạnh xã hội hóa, phát huy tính độc lập, khơi dậy mọi nguồn lực sáng tạo của các tài năng thể thao, góp phần phát triển nhân tài thể thao Gia Lai nói riêng và thể thao đất nước nói chung.

- Tập trung ưu tiên đầu tư các môn thể thao có thành tích tốt, đạt huy chương tại các giải thể thao thành tích cao, Đại hội thể thao toàn quốc; tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống tuyển chọn, đào tạo tài năng thể thao gắn kết đào tạo các tuyển, các lớp vận động viên năng khiếu kế cận; thống nhất quản lý, phát triển thể

thao thành tích cao theo hướng tiên tiến, bền vững, phù hợp với đặc điểm thể chất vận động viên và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng Đề án phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 nhằm tạo bước đột phá mạnh mẽ về thể thao thành tích cao tỉnh nhà, xây dựng và phát triển thể thao tỉnh Gia Lai mang tính ổn định, vững chắc. Trong đó củng cố, hiện đại hóa các Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Gia Lai; đầu tư trọng điểm, phấn đấu tăng số môn thể thao đào tạo tập trung tại tỉnh; tăng cường trang bị và ứng dụng khoa học công nghệ, y học thể thao tiên tiến để nâng cao thành tích trong các môn thể thao, nội dung thi đấu các môn thể thao có tiềm năng, thế mạnh các môn mũi nhọn của tỉnh, các môn thể thao cơ bản trong Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao Châu Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á, Đại hội Thể thao toàn quốc, các giải trẻ quốc tế, khu vực và trong nước phù hợp với đặc điểm thể chất con người Gia Lai và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

- Tập trung phát triển sâu rộng phong trào thể dục thể thao quần chúng và xây dựng kế hoạch mỗi năm đăng cai tổ chức 03 - 05 giải thể thao quốc tế; 10 - 15 giải thể thao quốc gia (tổ chức sự kiện bóng đá trẻ quốc tế và sự kiện giao lưu bóng đá quốc tế hàng năm; tổ chức Liên hoan quốc tế Võ cổ truyền định kỳ 03 năm/1 lần) và tổ chức 16 - 20 giải thể thao cấp tỉnh, tổ chức từ 02 - 03 lớp tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn.

- Số vận động viên tập trung tập luyện thường xuyên đạt 565 - 614 vận động viên trong giai đoạn 2026 - 2030, chú trọng tăng số lượng vận động viên năng khiếu, vận động viên tuyển trẻ để tạo nguồn kế thừa, bổ sung cho các đội tuyển tỉnh ở các môn thể thao trọng điểm, mũi nhọn của tỉnh.

- Tổ chức các Lớp năng khiếu cơ sở tại các xã, phường: huấn luyện viên từ 28 - 32 người, vận động viên từ 140 - 160 người trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Số vận động viên kiện tướng hàng năm đạt từ 91 vận động viên.

- Số vận động viên cấp 1 hàng năm đạt từ 117 vận động viên.

- Số vệ tinh thể thao tại các xã phường đạt 115 - 135 vệ tinh.

- Tham gia lập thành tích tại các giải quốc gia, quốc tế, phấn đấu đạt từ 350 - 420 huy chương quốc gia; đạt 25 - 30 huy chương quốc tế; tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026 phấn đấu đạt 45 - 50 huy chương, xếp hạng 18/36 các tỉnh, thành, ngành; và phấn đấu đạt 50 - 55 huy chương xếp hạng 16/36 tỉnh, thành, ngành tại Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ XI năm 2030.

- Phấn đấu Võ cổ truyền Bình Định luôn dẫn đầu toàn quốc.

- Các môn Điền kinh, Kickboxing, Taekwondo, Karate phần đầu đạt huy chương tại Đại hội Thể thao Đông Nam Á, Giải Vô địch Châu á, Giải Vô địch Trẻ thế giới.

- Câu lạc bộ Bóng đá Hoàng Anh Gia Lai phần đầu nằm trong các đội dẫn đầu giải vô địch chuyên nghiệp quốc gia, Câu lạc bộ Quy Nhơn United đứng vị trí 03 đội dẫn đầu giải hạng nhất quốc gia. Đến năm 2028, tỉnh Gia Lai sẽ có 2 đội bóng tham dự giải bóng đá chuyên nghiệp Quốc gia.

- Trên cơ sở thành tích và khả năng phát triển các môn thể thao của tỉnh, phân nhóm các môn thể thao để ưu tiên đầu tư phát triển. Ngoài ra tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa thể thao thành tích cao các môn thể thao như: Quần vợt, Bóng đá, Cầu lông, Khiêu vũ thể thao, Golf; khuyến khích, kêu gọi các Liên đoàn thể thao, Câu lạc bộ, phòng tập và doanh nghiệp hỗ trợ, tài trợ kinh phí để thành lập các đội thể thao đại diện tỉnh Gia Lai tham gia các giải thể thao khu vực, toàn quốc; từng bước giảm chi từ ngân sách nhà nước.

(Kèm theo phụ lục 12 và 13).

2.3. Định hướng đến năm 2045

- Phát triển thể thao thành tích cao đồng đều, đa dạng và theo chiều sâu, có chất lượng cao, ưu tiên đầu tư trọng điểm đối với các môn thể thao mũi nhọn, có thể mạnh, chủ lực và có truyền thống của tỉnh nhằm tạo sự đột phá, nhất là các môn thể thao thuộc chương trình thi đấu của Đại hội thể thao toàn quốc, Đại hội Thể thao Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Châu Á, Thế vận hội Olympic.

- Tăng cường cơ sở vật chất, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ làm nền tảng phát triển mạnh mẽ và vững chắc sự nghiệp thể thao. Đầu tư mạng lưới thiết chế thể thao hiện đại, đủ điều kiện đăng cai tổ chức các sự kiện thể thao lớn của khu vực và toàn quốc. 100% các xã, phường có đủ 03 công trình thể thao cơ bản, đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn quy định; 100% thôn, khu phố có công trình thể thao; Thị trường thể thao, kinh tế thể thao phát triển đạt mức tăng trưởng cao hàng năm, từng bước đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế của tỉnh.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Hoàn thiện hệ thống quản lý, tổ chức đào tạo

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng, chỉ đạo của chính quyền các cấp, các ngành liên quan đối với phát triển thể thao thành tích cao và đầu tư cho thể thao thành tích cao là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục. Phát triển thể thao thành tích cao là nội dung quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phối hợp đăng cai tổ chức các giải thi đấu thể thao thành tích cao cấp quốc gia và quốc tế để mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác trên các lĩnh vực đào tạo, huấn luyện tài năng thể thao, thi đấu thể thao, phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật và tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh để phát hiện và tuyển chọn các tài năng thể thao bổ sung vào các đội tuyển thể thao của tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển các hoạt động thể thao quần chúng, tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao, đặc biệt là lực

lượng công nhân, viên chức, lao động, lực lượng vũ trang, thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên... Tiếp tục nâng cao công tác quản lý, xây dựng và hoàn thiện hệ thống thi đấu các giải thể thao cấp tỉnh, xây dựng chương trình phối hợp giữa các ngành để hỗ trợ trong công tác tổ chức các giải thể thao, hội thao cấp ngành, cấp xã, phường phù hợp với mục tiêu phát triển, đảm bảo tính khoa học, hiệu quả, tiết kiệm. Thông qua các giải đấu, hội thao để phát hiện các tài năng thể thao bổ sung lực lượng vận động viên cho các đội tuyển tỉnh.

- Các xã, phường chú trọng công tác huấn luyện, đào tạo vận động viên năng khiếu cơ sở, tập trung phát triển một số môn thể thao thể mạnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, tạo nguồn vận động viên năng khiếu trọng điểm cho tỉnh.

- Tuyển chọn và bố trí nhân lực có trình độ chuyên môn về chữa trị chấn thương, điều dưỡng, vật lý trị liệu, dinh dưỡng,... nhằm phục vụ cho các vận động viên trong quá trình tập luyện, tập huấn và thi đấu thể thao đỉnh cao.

2. Phát triển các nguồn nhân lực

2.1. Lực lượng vận động viên

- Tổ chức tuyển chọn vận động viên bằng các phương pháp khoa học, lựa chọn được những tài năng thể thao, chú trọng từ các em có năng khiếu tại cơ sở cấp xã, phường, các câu lạc bộ,...; từng bước xây dựng lực lượng vận động viên, huấn luyện viên tập trung ở cấp xã, phường...

- Các vận động viên năng khiếu cơ sở sẽ được tuyển chọn theo hình thức tập trung tại các Trung tâm thể thao của xã, phường, trường học, câu lạc bộ, phòng tập thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh nhằm tạo nguồn vận động viên năng khiếu cho các đội tuyển. Các vận động viên có năng khiếu sẽ từng bước chuyển sang đào tạo theo hình thức tập trung tại các Trung tâm thể thao của tỉnh khi đảm bảo điều kiện về chuyên môn.

- Chú trọng xây dựng hệ thống đào tạo gồm 04 tuyến: năng khiếu tại cơ sở, năng khiếu tỉnh, tuyển trẻ và tuyển tỉnh để bảo đảm tính liên tục, kế thừa và lâu dài. Các vận động viên được tuyển chọn phải là những vận động viên nổi bật, xuất sắc và được sàng lọc kỹ qua quá trình huấn luyện, thi đấu tại cơ sở.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, cử huấn luyện viên, vận động viên đi tập huấn ngắn hạn, dài hạn trong nước và ở nước ngoài; mời đội tuyển quốc gia hoặc đội tuyển các tỉnh, thành, ngành các môn thể thao phát triển mạnh về tập huấn, thi đấu cọ xát và thường xuyên thuê chuyên gia nước ngoài về huấn luyện. Rà soát lại toàn bộ các tuyến đào tạo vận động viên để sắp xếp cho phù hợp với yêu cầu phát triển, xu thế hội nhập.

- Trên cơ sở thành tích và khả năng phát triển các môn thể thao của tỉnh, xem xét tăng chỉ tiêu vận động viên đào tạo theo tỷ lệ 2%/năm. Đồng thời xác định các môn thể thao mũi nhọn, trọng điểm, tiềm năng để phân bổ số lượng vận động viên các môn thể thao cho phù hợp, đảm bảo số lượng và chất lượng vận động viên đủ trình độ chuyên môn tham gia các giải quốc gia, quốc tế hàng năm.

- Rà soát, đánh giá chất lượng các vệ tinh và các lớp năng khiếu cơ sở hiện có để từ đó xây dựng giải pháp tăng cường số lượng vệ tinh tại các xã, phường, các cơ sở có thể dục thể thao, các trường học có phong trào phát triển thể thao để tuyển chọn, tập trung vào các môn thể thao thể mạnh của tỉnh như: Võ cổ truyền, Cờ, Điền kinh, Kickboxing, Taekwondo, Bida, Karate...

2.2. Đảm bảo số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ huấn luyện viên

- Tập trung đào tạo huấn luyện viên ở cấp xã, phường đang đảm nhận các lớp cơ sở, các phòng tập, câu lạc bộ thể thao ở cơ sở mang tính chuyên sâu cho từng môn.

- Hàng năm thực hiện rà soát, sàng lọc, kiểm tra chất lượng của huấn luyện viên thông qua hiệu quả huấn luyện để xây dựng các kế hoạch đào tạo lại, bồi dưỡng huấn luyện viên.

- Phối hợp với các tỉnh hoán đổi huấn luyện viên để tham gia huấn luyện nhằm thay đổi môi trường, phương pháp, kỹ năng trong công tác huấn luyện; tổ chức mời chuyên gia huấn luyện có trình độ cao để đào tạo nâng cao trình độ cho lực lượng huấn luyện viên.

3. Cơ chế chính sách

- Kế thừa từ các cơ chế, chính sách phát triển thể thao hiện hành, rà soát, sửa đổi, xây dựng và tiếp tục ban hành, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về thể thao tỉnh Gia Lai phù hợp trong giai đoạn mới; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách vượt trội khuyến khích, thu hút nhân tài thể thao; kết hợp hài hòa động viên, khen thưởng, vinh danh tinh thần và khuyến khích vật chất đối với các vận động viên có thành tích đặc biệt xuất sắc, huấn luyện viên tài năng để nỗ lực huấn luyện, tập luyện, thi đấu đạt thành tích cao tại các đấu trường quốc gia, quốc tế tiếp tục mang vinh quang về cho tỉnh Gia Lai và đất nước.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ cho các vận động viên đang tập trung tại các Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia. Hỗ trợ kinh phí để gửi vận động viên có tiềm năng tại các Trung tâm lớn trên toàn quốc như: hỗ trợ kinh phí thuê huấn luyện viên tại các Trung tâm nơi các vận động viên được gửi, tiền ở cho vận động viên tại Trung tâm nơi tập huấn. Xây dựng kinh phí thi đấu nước ngoài từ đầu năm để dễ dàng và chủ động cho các đội tuyển có huấn luyện viên, vận động viên xuất sắc tham gia thi đấu các giải quốc tế trong năm.

- Thu hút những huấn luyện viên giỏi trong và ngoài nước cho các môn thể thao trọng điểm và một số môn thể thao mới phát triển tại Gia lai. Đối với các huấn luyện viên, vận động viên thuộc diện thu hút về công tác tại tỉnh, tùy theo trình độ chuyên môn, năng lực sẽ được ký hợp đồng ngắn hạn hoặc dài hạn, được bố trí địa điểm ăn, ở tại Trung tâm huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để đối tượng này an tâm công tác, cống hiến hết tài năng cho thể thao thành tích cao của tỉnh.

- Xây dựng chính sách ưu đãi về đào tạo nghề và bố trí việc làm cho các vận động viên đạt thành tích cao sau khi kết thúc quá trình cống hiến. Cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư trực tiếp hoặc

gián tiếp vào các hoạt động đào tạo vận động viên với các hình thức tập luyện và đào tạo vận động viên tại các câu lạc bộ tư nhân ở một số môn thể thao có điều kiện phát triển như Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Golf,...

4. Khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có, từng bước đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ công tác đào tạo, huấn luyện vận động viên

- Sắp xếp, bố trí lại các công trình thể thao trong khu vực Sân vận động Quy Nhơn theo định hướng phát triển của ngành; có kế hoạch, phương án cụ thể về đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cho phù hợp với công năng sử dụng theo thiết kế của công trình, bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy.

- Rà soát nhu cầu, đề xuất bổ sung danh mục đầu tư các cơ sở thể thao có nhu cầu cấp thiết ngoài kế hoạch để bảo đảm điều kiện tập luyện, thi đấu như xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao tỉnh: cải tạo, nâng cấp Trung tâm huấn luyện và Thi đấu Thể thao tỉnh Gia Lai và Trung tâm huấn luyện và Thi đấu Thể thao Pleiku; cải tạo, sửa chữa Trường năng khiếu Thể dục Thể thao tại địa chỉ 210 Phan Bội Châu, thành Trung tâm tập luyện Thể dục Thể thao tỉnh.

- Hoàn thiện, nâng cấp và từng bước hiện đại hóa hệ thống cơ sở vật chất phục vụ đào tạo vận động viên, tổ chức thi đấu các giải thể thao của tỉnh, đăng cai các giải thể thao quốc gia, quốc tế tại tỉnh Gia Lai. Phấn đấu đầu tư Khu liên hợp thể thao tỉnh trước năm 2030, 100% đơn vị hành chính cấp xã, phường có thiết chế thể thao (hoặc văn hóa, thể thao) đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn quy định, trong đó có ít nhất 02/03 công trình thể thao cơ bản (nhà thi đấu, sân vận động, bể bơi) để triển khai tổ chức đào tạo các lớp năng khiếu cơ sở và tổ chức thi đấu các giải thể thao cấp cơ sở. Hầu hết các thôn, tổ dân phố, khu dân cư, khu đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế có ít nhất 01 thiết chế thể thao hoặc 01 điểm tập luyện thể dục, thể thao công cộng.

5. Tăng cường hợp tác với các địa phương trong nước

Mở rộng mối quan hệ với các địa phương, các Trung tâm thể thao quốc gia, Trường Đại học thể dục thể thao để hỗ trợ về chuyên môn nghiệp vụ, cơ sở vật chất, sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện, công tác đào tạo vận động viên, huấn luyện viên, ứng dụng khoa học công nghệ mới trong lĩnh vực thể thao thành tích cao và công tác tuyển chọn vận động viên năng khiếu.

6. Xã hội hóa thể thao thành tích cao

- Phát huy vai trò, chức năng của các Liên đoàn, Hiệp hội, Hội thể thao trong phát triển thể thao thành tích cao. Huy động, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức xã hội hoạt động thể dục thể thao đầu tư cơ sở vật chất, tài chính cho công tác đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp vào công tác đào tạo, huấn luyện vận động viên, hỗ trợ việc mở trường, lớp đào tạo vận động viên thể thao ngoài công lập và tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế, xã hội xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao, tổ chức các sự kiện thể thao, thành lập

hoặc hỗ trợ thành lập các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp theo quy định của Nhà nước.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp thể thao công lập theo hướng đẩy mạnh tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất được giao quản lý theo đúng quy định về sử dụng tài sản công.

7. Phát triển thể thao thành tích cao gắn với phát triển du lịch thể thao

Tăng cường phối hợp tổ chức, đăng cai các giải thể thao quốc gia, quốc tế tại địa phương (tổ chức sự kiện bóng đá trẻ quốc tế và sự kiện giao lưu bóng đá quốc tế hàng năm; tổ chức Liên hoan quốc tế Võ cổ truyền định kỳ 3 năm/1 lần) qua đó phát triển kinh tế thể thao, quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế của tỉnh Gia Lai trên bản đồ thể thao quốc gia và khu vực.

Phát triển du lịch thể thao của tỉnh Gia Lai: xây dựng thương hiệu du lịch thể thao tỉnh Gia Lai gắn với việc đăng cai các giải thể thao và các môn thể thao đặc trưng của tỉnh như: Võ cổ truyền, Marathon, Bóng chuyền bãi biển, Bóng đá bãi biển, Boi lặn, Golf, các môn thể thao biển, các môn thể thao gắn với đồng bào Tây nguyên (Bắn nỏ, Kéo co, Đẩy gậy) và các môn thể thao giải trí,... Có chính sách khuyến khích các cá nhân, tổ chức chủ động xây dựng sự kiện thể thao đặc thù làm điểm nhấn du lịch hàng năm và tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức các giải đấu quốc tế, khu vực và quốc gia tại các điểm đến du lịch nổi bật.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí triển khai thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm và các nguồn tài trợ, huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Tổng triển khai thực hiện Đề án dự kiến: 6.082 tỷ đồng. Trong đó:

- Nguồn kinh phí sự nghiệp thể dục thể thao chi thường xuyên giai đoạn 2026 - 2030: dự kiến 773 tỷ đồng.

- Nguồn kinh phí đầu tư công các công trình thể dục thể thao giai đoạn 2026 - 2030: dự kiến 4.211 tỷ đồng.

- Nguồn kinh phí xã hội hóa giai đoạn 2026 - 2030: dự kiến khoảng 1.098 tỷ đồng, trong đó bình quân mỗi năm Câu lạc bộ Bóng đá Hoàng Anh Gia đầu tư cho CLB khoảng 150 tỷ đồng/năm cho đội bóng đá và các đội trẻ tại học viện; Câu lạc bộ Quy Nhơn United đầu tư cho đội bóng khoảng 50 tỷ đồng/năm và vận động tổ chức các sự kiện thể thao khoảng 98 tỷ cho cả giai đoạn 2026 - 2030.

(Kèm theo phụ lục 14 và 15).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể để thực hiện tốt các nhiệm vụ của Đề án, định kỳ hằng

năm, tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch đăng cai các giải thể thao quốc gia và quốc tế, tổ chức Liên hoan quốc tế Võ cổ truyền định kỳ 3 năm/01 lần.

- Triển khai công tác tuyển chọn và đào tạo năng khiếu thể thao đối với lực lượng vận động viên, định kỳ đánh giá toàn diện về huấn luyện viên, năng lực vận động viên nhằm kịp thời phát hiện để điều chỉnh, đáp ứng mục tiêu đào tạo và huấn luyện thể thao, chuẩn bị lực lượng vận động viên tốt nhất để tham gia thi đấu các giải thể thao trong và ngoài nước.

- Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất danh mục đầu tư cơ sở vật chất xây dựng các công trình thể thao; kế hoạch đầu tư mua sắm trang thiết bị, phòng tập luyện, dụng cụ tập luyện, máy móc thiết bị chuyên dùng, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển thể thao thành tích cao và xây dựng dự toán ngân sách chi cho phát triển sự nghiệp thể dục thể thao hàng năm.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo việc thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học theo hướng dẫn hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, triển khai tổ chức các giải thi đấu các giải thể thao, Hội khỏe Phù Đổng từ cấp trường đến cấp tỉnh.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định cụ thể những môn thể thao tự chọn trong nhà trường theo Chương trình giáo dục phổ thông, bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, phù hợp với định hướng phát triển Thể thao thành tích của tỉnh nhà, nhằm tạo điều kiện tuyển chọn vận động viên; giới thiệu để tuyển chọn vận động viên năng khiếu; tạo điều kiện thuận lợi cho vận động viên là học sinh được tham gia học tập văn hóa, tham gia bồi dưỡng, tập huấn và thi đấu các giải thể thao của tỉnh và quốc gia; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên giáo dục thể chất nhằm nâng cao năng khiếu thể dục thể thao trong trường học.

- Phối hợp đưa võ cổ truyền và một số môn thể thao phù hợp vào trường học; tăng cường nguồn lực giáo viên thể dục, thể thao; gắn kết công tác đào tạo với hệ thống trung học phổ thông, cao đẳng và đại học trên địa bàn tỉnh nhằm phát triển phong trào và tạo nguồn vận động viên kế cận.

3. Sở Tài chính

- Hàng năm, trên cơ sở dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Đề án, Sở Tài chính cân đối theo khả năng ngân sách, tổng hợp, thẩm định dự toán kinh phí, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định; phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành chính sách chế độ khuyến khích, đãi ngộ, thu hút và cơ chế đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích cao để phục vụ thể thao thành tích cao theo Đề án.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng kế hoạch phát triển thể thao thành tích cao; tổng hợp các mục tiêu của Đề án vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đề xuất bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình thể thao vào kế hoạch đầu tư công trung hạn; có kế hoạch kêu gọi đầu tư cho lĩnh vực thể dục thể thao.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng kế hoạch tài chính, bảo đảm nguồn kinh phí chi thường xuyên và đầu tư công cho việc triển khai Đề án; tham mưu cân đối, bố trí ngân sách phù hợp, đúng quy định.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát, sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập về lĩnh vực thể thao, đảm bảo thu gọn đầu mối, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

5. Sở Y tế

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu các giải pháp tăng cường công tác chăm sóc, y tế thể thao, bảo vệ sức khỏe vận động viên, huấn luyện trong quá trình tập luyện và thi đấu.

6. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ngành, địa phương liên quan quy hoạch các công trình thể dục thể thao.

7. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện việc quy hoạch kế hoạch sử dụng đất các công trình thể dục thể thao.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan, làm tốt công tác quản lý nhà nước về thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh liên quan đến lĩnh vực thể thao.

- Nghiên cứu, triển khai các đề tài khoa học về võ cổ truyền, ứng dụng khoa học công nghệ trong huấn luyện, đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao.

9. Sở Ngoại vụ

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong công tác hợp tác quốc tế về phát triển thể thao thành tích cao và đăng cai tổ chức các giải thể thao quốc tế tại tỉnh Gia Lai.

10. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thực hiện Đề án trên địa bàn; xây dựng kế hoạch phát triển thể dục thể thao của địa phương.

- Đẩy mạnh phát triển phong trào thể dục thể thao sâu rộng, tuyên truyền vận động nhân dân và gia đình trên địa bàn tham gia tập luyện thể thao thường xuyên, đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác

Hồ vĩ đại”; tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư, phát triển thể thao thành tích cao tại địa phương.

- Quan tâm, động viên kịp thời các tổ chức, cá nhân, đơn vị tham gia tập luyện các môn thể thao thể mạnh trên địa bàn; tổ chức tốt việc thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến công tác thể dục thể thao.

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 1
Thực trạng thể thao thành tích cao
giai đoạn 2023 - 2025 (tỉnh Gia Lai cũ)

STT	Nội dung		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Thành tích đạt được				
1.1	Các giải thi đấu trong hệ thống quốc gia		98 huy chương (Chỉ tiêu 70 HC)	109 huy chương (Chỉ tiêu 73 HC)	120 huy chương (Chỉ tiêu 80 HC)
1.2	Giải Quốc tế		04 huy chương (Chỉ tiêu 1 HC)	08 huy chương (Chỉ tiêu 2 HC)	12 huy chương (Chỉ tiêu 4 HC)
2	Huấn luyện viên		12 (Chỉ tiêu 21)	12 (Chỉ tiêu 24)	12 (Chỉ tiêu 24)
3	Vận động viên		84 VĐV	88 VĐV	90 VĐV
	Tuyển tỉnh		34	38	40
	Tuyển trẻ		50	50	50
	Năng khiếu		0	0	0
4	Vệ tinh		0	0	0
5	Đạt đẳng cấp	Kiện tướng	Đạt 18 (Chỉ tiêu 7 KT)	Đạt 21 (Chỉ tiêu 10 KT)	
		Cấp 1	Đạt 25 (Chỉ tiêu 17 C1)	Đạt 39 (Chỉ tiêu 20 C1)	
	Vận động viên được triệu tập đội tuyển quốc gia		3 VĐV (Chỉ tiêu 3 VĐV)	6 VĐV (Chỉ tiêu 4 VĐV)	6 VĐV (Chỉ tiêu 4 VĐV)
6	Đăng cai các giải quốc gia, quốc tế		4 giải	6 giải	4 giải
7	Tổ chức các giải cấp tỉnh		15	16	16
8	Kinh phí thực hiện		18,2 tỷ	19,4 tỷ	20,5 tỷ
9	Cơ sở vật chất				
9.1	Sân vận động		Sân Pleiku (10 nghìn chỗ ngồi)		
9.2	Nhà thi đấu		Diện tích 1.135,7 m2, khoảng 2.500 chỗ		
9.3	Nhà tập luyện thể thao		Diện tích 1.884 m2		
9.4	Bể bơi		Diện tích 490,3 m2		
9.5	Nhà ăn VĐV		Diện tích 254 m2		
9.6	Nhà ở VĐV		Diện tích 200 m2		

PHỤ LỤC 2
Bảng tổng hợp lực lượng HLV, VĐV và thành tích các giải quốc gia giai đoạn 2023 - 2024 (tỉnh Gia Lai cũ)

TT	Môn	Năm 2023				Năm 2024				Đánh giá (Đạt/ Không đạt)
		Số lượng HLV	Số lượng VĐV	Chỉ tiêu đặt ra	Thành tích đạt được	Số lượng HLV	Số lượng VĐV	Chỉ tiêu đặt ra	Thành tích đạt được	
1	Điền kinh	1	12	1V, 1B, 1Đ	3V, 4B, 2Đ	1	12	1V, 1B, 1Đ	3V, 1B, 5Đ	Đạt
2	Kickboxing	2	16	2V, 1B, 1Đ	4V, 4B, 9Đ	2	16	2V, 4B, 1Đ	3V, 6B, 9Đ	Đạt
3	Wushu	2	8	1V, 1B, 1Đ	2V, 1B, 4Đ	2	8	4Đ	4Đ	Đạt
4	Karate	2	16	2V, 1B, 1Đ	6V, 9B, 8Đ	2	16	2V, 1B, 2Đ	5V, 14B, 13Đ	Đạt
5	Taekwondo	2	12	2V, 1B, 1Đ	8V, 4B, 5Đ	2	12	2V, 2B, 1Đ	11V, 8B, 4Đ	Đạt
6	Muay	2	10	1V, 1B,	3V, 4B, 8Đ	2	10	1V, 1B, 1Đ	1V, 3B, 12Đ	Đạt
7	Vovinam	2	12	1V, 1B,	1V, 1B, 4Đ	2	12	1V, 1B, 1Đ	2V, 1B, 2Đ	Đạt

PHỤ LỤC 3**Bảng tổng hợp thành tích các giải quốc tế giai đoạn 2023 – 2024 (tỉnh Gia Lai cũ)**

TT	Môn	Năm 2023				Năm 2024				Đánh giá (Đạt/ Không đạt)
		Số lượng HLV tham gia	Số lượng VĐV tham gia	Chỉ tiêu đặt ra	Thành tích đạt được	Số lượng HLV tham gia	Số lượng VĐV tham gia	Chỉ tiêu đặt ra	Thành tích đạt được	
1	Điền kinh									
2	Kickboxing	2	2	1 Đ	1V	2	2	1 Đ	1V, 2Đ	
3	Wushu			0					0	
4	Karate	2	2	1 Đ	1V	2	2	1 B	3B, 2Đ	
5	Taekwondo	2	2	2Đ	1V, 1B					
6	Muay			0						
7	Vovinam			0						

PHỤ LỤC 4

**Số lượng huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao
tỉnh Gia Lai năm 2025 (tỉnh Gia Lai cũ)**

TT	Môn	Số lượng HLV				Số lượng VĐV			
		Tuyển tỉnh	Tuyển trẻ	Tuyển NK	Tổng số	Tuyển tỉnh	Tuyển trẻ	Tuyển NK	Tổng số
1	Điền kinh	3	0	0	3	6	9	0	15
2	Taekwondo	2	0	0	2	8	10	0	18
3	Kickboxing - Boxing	2	0	0	2	8	8	0	16
4	Wushu	1	0	0	1	2	4	0	6
5	Muay	1	0	0	1	4	4	0	8
6	Karate	2	0	0	2	9	9	0	18
7	Vovinam	1	0	0	1	2	7	0	9
Tổng cộng		12	0	0	12	39	51	0	90

PHỤ LỤC 5

**Bảng chế độ chính sách đang thực hiện của huấn luyện viên,
vận động viên thể thao tỉnh (tỉnh Gia Lai cũ)**

Chế độ dinh dưỡng trong tập luyện thường xuyên (Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ Tài chính)			Chế độ dinh dưỡng trong tập huấn (Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ Tài chính)		
Huấn luyện viên, vận động viên			Huấn luyện viên, vận động viên		
Tuyển Tỉnh	tuyển trẻ	năng khiếu	tuyển tỉnh	tuyển trẻ	năng khiếu
240.000	200.000	0	240.000	200.000	0
Chế độ tiền công trong tập luyện và thi đấu (Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ)			Chế độ dinh dưỡng trong thi đấu (Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)		
Vận động viên			Huấn luyện viên, vận động viên		
Tuyển Tỉnh	tuyển trẻ	năng khiếu	tuyển tỉnh	tuyển trẻ	năng khiếu
180.000	75.000	55.000	320.000	240.000	0

PHỤ LỤC 6
Thực trạng thể thao thành tích cao
Giai đoạn 2023 - 2025 (tỉnh Bình Định cũ)

TT	Nội dung		2023	2024	2025
1	Thành tích đạt được				
1.1	Các giải đấu chính thức trong hệ thống thi đấu quốc gia		185 huy chương (Chỉ tiêu 134 HC)	206 huy chương (Chỉ tiêu 137 HC)	221 huy chương (Chỉ tiêu 140 HC)
1.2	Giải Quốc tế		10 huy chương (Chỉ tiêu 07 HC)	13 huy chương (Chỉ tiêu 08 HC)	15 huy chương (Chỉ tiêu 9 HC)
2	Huấn luyện viên		30 (chỉ tiêu 43)	33 (chỉ tiêu 44)	35 (chỉ tiêu 46)
3	Vận động viên		385	393	402
	Tuyển tỉnh		105	110	115
	Tuyển trẻ		100	103	107
	Năng khiếu		180	180	180
4	Vệ tinh		20	23	26
5	Đạt đẳng cấp	Kiên tướng	Đạt 55 KT (Chỉ tiêu 40 KT)	Đạt 66 KT (Chỉ tiêu 45 KT)	
		Cấp 1	Đạt 67 C1 (Chỉ tiêu 45 C1)	Đạt 74, C1 (Chỉ tiêu 50 C1)	
	VĐV triệu tập quốc gia		16 VĐV (Chỉ tiêu 10 VĐV)	11 VĐV (Chỉ tiêu 10 VĐV)	8 VĐV (Chỉ tiêu 12 VĐV)
6	Đăng cai các giải quốc gia, quốc tế		2 giải	8 giải	12 giải
7	Tổ chức các giải cấp tỉnh		12 giải	15 giải	15 giải
8	Kinh phí thực hiện		46 tỷ	57 tỷ	62 tỷ
9	Cơ sở vật chất				
9.1	Sân vận động		Sân Quy Nhơn 20.000 chỗ ngồi		
9.2	Nhà thi đấu		Diện tích 800m ² khoảng 1.000 chỗ ngồi		
9.3	Nhà tập luyện thể thao		02 phòng tập Võ diện tích 250m ² và 120m ²		
9.4	Bể bơi		Diện tích 1.000m ²		
9.5	Nhà ăn VĐV		Cơ sở 1: 350 m ² ; Cơ sở 2: 300 m ²		
9.6	Nhà ở VĐV		Cơ sở 1: Sân Vận động Quy Nhơn: 30 phòng, Cơ sở 2: 210 Phan Bội Châu: 30 phòng (2.043 m ²) Cơ sở 3: 236 Phan Bội Châu: 19 phòng (2.130m ²)		

PHỤ LỤC 7

Bảng tổng hợp lực lượng HLV, VĐV và thành tích các giải quốc gia giai đoạn 2023 – 2024 (tỉnh Bình Định cũ)

TT	Môn	Năm 2023				Năm 2024				Đánh giá (Đạt/ Không đạt)
		Số HLV	Số VĐV	Chỉ tiêu đặt ra	Thành tích đạt được	Số HLV	Số VĐV	Chỉ tiêu đặt ra	Thành tích đạt được	
1	Điền kinh	2	46	2B, 3Đ	2V, 4B, 2Đ	2	46		2V, 4B, 7Đ	Đạt
2	Bộ môn Cờ	2	58	2V, 6B, 9Đ	7V, 22B, 38Đ	2	73	2V, 8B, 3Đ	7V, 14B, 41Đ	Đạt
3	Boxing	2	31	2V, 1B, 4Đ	2V, 3B, 9Đ	2	34	2V, 2B, 5Đ	2V, 9B, 13Đ	Đạt
4	Bóng ném nữ	1	42	1B, 4Đ	1V, 4Đ	1	42	1B, 4Đ	1V, 4Đ	Đạt
5	Bida	1	5	1Đ	1B, 1Đ	1	6	1Đ	1B, 1Đ	Đạt
6	Bơi	1	14	1V, 1B, 1Đ	2V, 3B, 9Đ	1	22	2V,2B,4Đ	3V, 7B, 10Đ	Đạt
7	Bóng bàn	1	14	2Đ						Không đạt
8	Bóng đá U13	1	22	Vào VCK	Loại vòng bảng	1	22	Vào VCK	Vào VCK	Đạt
9	Bóng đá U15	1	22	Vào VCK	Loại vòng bảng	1	22	Vào VCK	Loại vòng bảng	Không đạt
10	Bóng đá U17	1	22	Vào VCK	Loại vòng bảng	1	22	Vào VCK	Loại vòng bảng	Không đạt
11	Bóng đá U19	1	22	Vào VCK	Loại vòng bảng	1	22	Vào VCK	Loại vòng bảng	Không đạt
12	Taekwondo	2	36	2V, 5B, 10Đ	3V, 9B, 10Đ	2	44	2V, 7B,12Đ	2V, 7B, 16Đ	Đạt
13	Võ cổ truyền	2	62	45V, 20B, 10Đ	54V, 26B, 15Đ	2	62	55V, 25B,30Đ	61V, 33B, 42Đ	Đạt
14	Kickboxing	2	13	5V, 6B, 8Đ	9V, 7B, 11Đ	2	15	7V, 9B, 12Đ	8V,15B, 20Đ	Đạt
15	Wushu	2	7	1B, 3Đ	2B, 6Đ	2	7	2B, 5Đ	2B, 8Đ	Đạt

PHỤ LỤC 8
Bảng tổng hợp thành tích các Giải quốc tế giai đoạn 2023 – 2024 (tỉnh Bình Định cũ)

[illegible]

PHỤ LỤC 9
Bảng tổng hợp số lượng vệ tinh giai đoạn 2023 - 2025 (tỉnh Bình Định cũ)

TT	Môn	Số lượng vệ tinh		
		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Võ cổ truyền	6	7	7
2	Kickboxing	3	3	4
3	Wushu	1	1	1
4	Cờ	3	3	3
5	Bóng đá	6	6	5
6	Boxing	1	2	2
7	Taekwondo		1	2
8	Điền kinh		1	2
Tổng cộng		20	24	26

PHỤ LỤC 10
**Bảng chế độ chính sách đang thực hiện của huấn luyện viên,
 vận động viên thể thao (tỉnh Bình Định cũ)**

Chế độ dinh dưỡng trong tập luyện thường xuyên (Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh)			Chế độ dinh dưỡng trong tập huấn (Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ Tài chính)			Chế độ dinh dưỡng trong thi đấu (Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ Tài chính)		
Huấn luyện viên, vận động viên (đồng/người/ngày)			Huấn luyện viên, vận động viên (đồng/người/ngày)			Huấn luyện viên, vận động viên (đồng/người/ngày)		
Tuyển tỉnh	Tuyển trẻ	Năng khiếu	Tuyển tỉnh	Tuyển trẻ	Năng khiếu	Tuyển tỉnh	Tuyển trẻ	Năng khiếu
200.000	160.000	120.000	240.000	200.000	200.000	320.000	240.000	240.000
Chế độ tiền công trong tập luyện thường xuyên (Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh)			Chế độ thuốc bổ tăng lực trong tập huấn (Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh)			Chế độ thuốc bổ tăng lực trong thi đấu (Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh)		
Huấn luyện viên, vận động viên (đồng/người/ngày)			Huấn luyện viên, vận động viên (đồng/người/ngày)			Huấn luyện viên, vận động viên (đồng/người/ngày)		
HLV các tuyển, VĐV tuyển tỉnh	VĐV Tuyển trẻ	VĐV Năng khiếu	Tuyển tỉnh	Tuyển trẻ	Năng khiếu	Tuyển tỉnh	Tuyển trẻ	Năng khiếu
140.000	70.000	50.000	24.000	20.000	20.000	32.000	24.000	24.000
Chế độ tiền công trong tập huấn và thi đấu (Nghị định số 152/2018/NĐ-CP của Chính phủ)			Chế độ tiền công trong tập huấn và thi đấu (Nghị định số 152/2018/NĐ-CP của Chính phủ)					
Vận động viên (đồng/người/ngày)			Huấn luyện viên (đồng/người/ngày)					
Tuyển tỉnh	Tuyển trẻ	Năng khiếu	Tuyển tỉnh	Tuyển trẻ	Năng khiếu			
180.000	75.000	55.000	215.000	180.000	180.000			

PHỤ LỤC 11
Số lượng huấn luyện viên, vận động viên
thể thao thành tích cao năm 2025 (tỉnh Bình Định cũ)

TT	Môn	Số lượng HLV				Số lượng VĐV			
		Tuyển tỉnh	Tuyển trẻ	Tuyển NK	Tổng số	Tuyển tỉnh	Tuyển trẻ	Tuyển NK	Tổng số
1	Võ cổ truyền	4	3	2	9	33	14	15	62
2	Kickboxing	1	1		2	5	8	2	15
3	Wushu		1	1	2	2	5	3	10
4	Điền kinh	1	1	2	4	8	11	18	37
5	Cờ vua, cờ tướng,	2	1	2	6	15	5	27	47
6	Taekwondo	2	1	2	5	9	9	15	33
7	Bóng ném nữ	1	1	1	3	12	4	16	32
8	Bi da	1	0	0	1	4	6		10
9	Bơi Lội	0	1	2	3	0	12	16	28
10	Boxing	1	1	1	3	5	11	16	32
11	Bóng bàn	0	0	1	1	0	0	8	8
12	Bóng U13	0	0	2	5	0	0	22	22
13	Bóng đá U15	0	0	2	5	0	0	22	22
14	Bóng đá U17	0	2	0	0	0	22	0	22
15	Bóng đá trẻ	2	0	0	0	22	0	0	22
Tổng cộng		15	13	18	46	115	107	180	402

PHỤ LỤC 12
Mục tiêu thực hiện của Đề án phát triển
Thể thao thành tích cao tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030

TT	Chỉ tiêu		Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030				
			2026	2027	2028	2029	2030
1	Tham gia các giải thể thao		70	75	80	85	90
2	Tham gia các giải quốc tế		15	17	20	22	25
3	Huy chương	Toàn quốc	350 HC – 420 HC				
		Quốc tế	25 HC – 35 HC				
4	Thành tích	Đại hội Thể thao toàn quốc	50				60
		SEA Games		8		9	
5	Huấn luyện viên (người) gồm:		72	72	73	74	76
5.1	Tuyển tỉnh		28	28	29	29	30
5.2	Tuyển trẻ		20	20	21	21	22
5.3	Năng Khiếu		24	24	25	25	26
6	Vận động viên (người)		565	577	589	601	614
6.1	Tuyển tỉnh		170	173	176	179	182
6.2	Tuyển trẻ		180	184	188	192	196
6.3	Năng Khiếu		215	220	225	230	236
7	Lớp Năng khiếu cơ sở						
7.1	Huấn luyện viên		28	29	30	31	32
7.2	Vận động viên		140	145	150	155	160
8	Vệ tinh TDTT cơ sở		115	120	125	130	135
9	Đạt đẳng cấp	Kiến tướng	91	93	95	97	99
		Cấp 1	117	119	121	123	125
	HLV, VĐV triệu tập Quốc gia		15 – 17				
10	Đăng cai các Giải Quốc tế		03 giải – 05 giải				
11	Đăng cai các giải Quốc gia		10 giải – 15 giải				
12	Tổ chức các Giải cấp tỉnh		16 giải – 20 giải				

PHỤ LỤC 13
Phân nhóm các môn thể thao thanh tích cao
tập trung đầu tư giai đoạn 2026 – 2030

TT	Phân nhóm	STT	Môn	Tiêu chí xác định	Mức độ đầu tư phát triển
2	Nhóm I	1	Võ cổ truyền	- Nằm trong chương trình thi đấu tại SEA Games, ASIAD, Olympic và đã đóng góp huy chương Vàng tại Đại hội thể thao toàn quốc, huy chương tại SEA Games, ASIAD. - Thành tích ổn định tại các giải quốc gia, vô địch trẻ và lứa tuổi quốc gia trong nhiều năm qua. - Lực lượng HLV, VĐV có tố chất tốt, có sự đồng đều giữa các tuyến đào tạo đối với một số môn.	- Ưu tiên trong phân bổ chỉ tiêu đào tạo VĐV để tạo sự phát triển, ổn định lực lượng kế thừa và duy trì chất lượng VĐV. - Xây dựng lực lượng HLV, VĐV trọng điểm để đầu tư thi đấu giành thành tích cao tại Đại hội thể thao toàn quốc. - Tạo điều kiện cử tham gia tập huấn dài hạn tại các trung tâm huấn luyện viên quốc gia. - Ngoài đảm bảo tham gia thi đấu đầy đủ tại các giải trong hệ thống quốc gia thì còn được tạo điều kiện tham gia các giải quốc tế trong khả năng đạt huy chương.
		2	Kickboxing		
		3	Taekwondo		
		4	Điền kinh		
		5	Bi da		
		6	Cờ		
		7	Karate		
		7 môn			
	Nhóm II	8	Boxing	- Đã có huy chương tại các giải quốc gia hàng năm và khả năng đạt huy chương Vàng tại Đại hội thể thao toàn quốc. - Nằm trong chương trình thi đấu tại SEA Games, ASIAD và Đại hội Thể thao toàn quốc. - Có chất lượng VĐV tốt ở một số nội dung thi đấu tại các giải quốc gia. - Có nhiều tiềm năng phát triển thành môn mũi nhọn của tỉnh (nhóm I)	- Phân bổ chỉ tiêu đào tạo VĐV để tạo sự phát triển, ổn định lực lượng kế thừa và nâng cao chất lượng VĐV. - Chọn một số VĐV xuất sắc, đạt thành tích cao tại Giải vô địch quốc gia hoặc những VĐV trẻ tiềm năng lớn để cử đi tập huấn tại các Trung tâm Huấn luyện quốc gia. - Lựa chọn một số VĐV để đưa vào kế hoạch tập trung đối với các VĐV chủ lực và phát triển VĐV trẻ tiềm năng để đầu tư thi đấu giành thành tích cao tại Đại hội thể thao toàn quốc - Đảm bảo thi đấu đủ các giải trong hệ thống quốc gia.
		9	Bóng ném nữ		
		10	Muay		
		11	Wushu		
		12	Vovinam		
		13	Bơi		
6 môn					

3	Nhóm III	15	Đẩy gậy	- Là các môn mới hoặc các môn chưa có nhiều thành tích tại các giải quốc gia. - Có khả năng phát triển chuyên môn tốt và đạt thành tích tại các giải quốc gia và khu vực. - Phục vụ trong công tác phát triển phong trào TDTT của tỉnh và phát huy giá trị truyền thống của các môn thể thao DTTS miền núi trong các Ngày hội VH TT của tỉnh...	- Phát triển theo hướng phong trào, đầu tư kinh phí tập huấn và thi đấu không tập trung đào tạo thường xuyên. - Sau mỗi giải Vô địch quốc gia và Đại hội Thể thao toàn quốc căn cứ vào thành tích đề ra soát, đánh giá, định hướng phân bổ chỉ tiêu đào tạo VĐV khi lực lượng đảm bảo thực hiện các mục tiêu tại các giải quốc gia. - Tạo điều kiện thường xuyên tham gia thi đấu các giải trong hệ thống quốc gia. - Xem xét đưa vào kế hoạch tập trung đối với một vài VĐV chủ lực của từng môn. - Cử HLV tham gia đào tạo và bồi dưỡng trong nước.
		16	Cử tạ		
		17	Pencak silat		
		18	Kéo co		
		19	3 môn phối hợp		
		20	Bắn nỏ		
		21	Pickleball		
		22	Bóng rổ		
		08 môn			
4	Nhóm IV	23	Các môn xã hội hóa, môn thể thao chuyên nghiệp	- Nằm trong các môn thể thao Olympic, Asiad, SEA Games, Đại hội Thể thao toàn quốc... - Do các tổ chức, cá nhân hoặc các Liên đoàn, Hiệp hội Thể thao đầu tư	Tùy theo khả năng phát triển và nhu cầu để có sự hỗ trợ về kinh phí, cơ chế chính sách, cơ sở hạ tầng... để các môn có sự phát triển phù hợp và mang lại thành tích cho thể thao tỉnh nhà

PHỤ LỤC 14**Bảng tổng hợp kinh phí thực hiện (dự kiến)****Đề án phát triển Thể thao thành tích cao tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045***Đơn vị tính: Triệu đồng.*

TT	Nội dung	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
		NSNN	XHH	NSNN	XHH	NSNN	XHH	NSNN	XHH	NSNN	XHH
1	Chế độ dinh dưỡng HLV, VĐV	39.706		50.694		51.847		52.763		53.979	
2	Chế độ tiền công HLV, VĐV	18.613		23.212		23.761		24.135		24.703	
3	Thuốc bổ trong tập huấn, thi đấu	912		1.166		1.187		1.209		1.237	
4	Kinh phí phục vụ chuyên môn	9.555		9.735		9.960		10.140		10.380	
5	Tiền ngủ thi đấu	7.644		8.761		8.964		9.126		9.342	
6	Chế độ đãi ngộ, hỗ trợ đặc thù	5.588		6.160		6.232		6.304		6.876	
7	Kinh phí đầu tư năng khiếu cơ sở	4.717		4.885		5.054		5.222		5.391	
8	Kinh phí đầu tư vệ tinh cơ sở	3.229		3.369		3.510		3.650		3.790	
9	Tham gia các giải quốc tế	6.000		6.800		8.000		8.800		10.000	
10	Tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc	6.000								10.000	
11	Tiền thưởng	5.000		5.500		6.000		6.500		6.500	
12	Tổ chức Festival Bóng đá trẻ Quốc tế	2.000	8.000	2.500	8.500	3.000	9.000	3.500	9.500	4.000	10.000
13	Tổ chức giao lưu Bóng đá quốc tế	3.000	5.000	3.500	5.500	4.000	6.000	4.500	6.500	5.000	8.000
14	Liên hoan quốc tế Võ cổ truyền	10.000	5.000					12.000	6.000		
15	Tổ chức giải tỉnh, đăng cai giải quốc gia, quốc tế	18.300	1.000	12.000	1.500	12.500	2.000	13.000	3.000	14.000	3.500
16	Tham gia các giải thể thao toàn quốc	4.300		4.500		5.000		5.500		6.000	
Tổng cộng		144.564	19.000	143.282	15.500	149.515	17.000	166.849	25.000	171.198	21.500

PHỤ LỤC 15
Danh mục đầu tư công giai đoạn 2026 -2030

TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ	Ghi chú
1	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao tỉnh	600 tỷ	
2	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm HL&TĐTT tỉnh Gia Lai	115 tỷ	
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm HL&TĐTT Pleiku	30 tỷ	
4	Cải tạo, sửa chữa Trường năng khiếu TDTT thành Trung tâm tập luyện TDTT tỉnh	16 tỷ	
5	Xây dựng Trung tâm Võ thuật cổ truyền Bình Định	450 tỷ	
6	Xây dựng Khu liên hợp Thể thao	3.000 tỷ	
Tổng cộng		4.211 tỷ	

